

Bản án số: 43/2018/HSST

Ngày: 18-4-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BC, TỈNH BD

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc H;

2. Bà Vương Mỹ T.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị N – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã BC, tỉnh BD.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã BC, tỉnh BD tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Triều M - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã BC, tỉnh BD xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXXST-HS ngày 05/4/2018 đối với các bị cáo:

1. Cao Văn P, sinh năm 1988, tại tỉnh LĐ; hộ khẩu thường trú tại: Thôn 4, xã MĐ, huyện Đạ T, tỉnh LĐ; chỗ ở: Khu phố 6, phường TH, thị xã BC, tỉnh BD; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Cao Văn D, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1964; có vợ là Mai Thị M và 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2017, sau đó tạm giam cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng Văn Q, sinh năm 1986, tại tỉnh TN; hộ khẩu thường trú: Thôn 2, xã MT, huyện ĐT, tỉnh TN; chỗ ở: Khu phố 3B, phường TH, thị xã BC, tỉnh BD; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Văn C, sinh năm 1966 và bà Hà Thị K, sinh năm 1967; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2017, sau đó tạm giam cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Công ty B; địa chỉ: Số 8, đường HV, phường PH, thành phố TDM, tỉnh BD.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Hp, sinh năm 1963; Trú tại: Khu phố BĐức, phường LT, thị xã TA, tỉnh BD (theo Giấy uỷ quyền ngày 15/12/2017). Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972; hộ khẩu thường trú tại: Ấp NS, thị trấn NS, huyện TS, tỉnh AG; tạm trú tại: Khu phố 6, phường TH, thị xã BC, tỉnh BD. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan:

1. Bà Lê Thị L, sinh năm 1988; hộ khẩu thường trú: Ấp QT, xã HT, huyện VL, tỉnh VL; chỗ ở: Ấp AS, xã AĐ, thị xã BC, tỉnh BD; Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Anh H, sinh năm 1963; trú tại: Khu phố 4, phường BC, quận TĐ, Thành phố H; Vắng mặt.

3. Bà Mai Thị M, sinh năm 1989; hộ khẩu thường trú tại: Thôn 4, xã MĐ, huyện ĐT, tỉnh LD; chỗ ở: Khu phố 6, phường TH, thị xã BC, tỉnh BD; Vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1967; hộ khẩu thường trú tại: xã VQ, huyện RG tỉnh KG; chỗ ở: Tiệm cầm đồ Diễm, đường D12, khu phố 6, phường TH, thị xã BC, tỉnh BD. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1962; Hộ khẩu thường trú: Số 12/5, đường số 21, khu phố 3, phường TML, Quận 2, Thành phố H; tạm trú: khu phố 6, phường TH, thị xã BC, tỉnh BD. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cao Văn P, Hoàng Văn Q cùng nghiện ma túy và là bạn bè quen biết cùng làm công nhân trong Công ty thép Thanh Nguyên tại khu phố 6, phường TH, thị xã BC, tỉnh BD. Ngày 13/12/2017, Cao Văn P rủ Hoàng Văn Q về phòng trọ của P ở khu phố 6, phường TH chơi đến 17 giờ cùng ngày, P điều khiển xe mô tô 53V7 - 5918 chở Q đến khu vực đường N8 thuộc khu phố 6, phường TH thì P nhìn thấy đồng sắt ống nằm trên bờ kênh là tài sản của Xí nghiệp xây dựng - Giao thông B trực thuộc Công ty B. Do không có tiền mua ma túy sử dụng nên P nảy sinh ý định trộm cắp ống sắt đem bán lấy tiền mua ma túy đá sử dụng và rủ Q cùng thực hiện thì Q đồng ý. Sau đó, P và Q đã cùng nhau trộm cắp 03 lần cụ thể như sau:

Lần thứ nhất:

Khoảng 04 giờ ngày 14/12/2017, P điều khiển xe mô tô biển số 53V7-5918 chở Q đi trộm, trên đường đi ngang cơ sở của sắt của anh Nguyễn Văn T thì thấy chiếc móc lõi không người trông coi nên P và Q vào lấy trộm rồi P điều

khuyến xe mô tô chở Q kéo móc lôi đến vị trí nơi để các ống sắt tại bờ kênh thuộc Khu phố 6, phường TH lấy trộm 03 ống sắt, đường kính 30cm, dày 03mm, dài 03 - 04m, tổng trọng lượng là 188kg và 02 thùng phuy bằng sắt, đường kính 60cm, cao 80cm. Sau đó, P và Q mang đến cơ sở phế liệu của chị Lê Thị L bán 03 ống sắt 188kg với giá 5.800 đồng/kg, 02 (hai) thùng phuy kim loại sắt L đưa cho P 100.000 đồng. Tổng cộng L đưa cho P 1.190.000 đồng. Bán xong, P và Q giấu móc lôi ở gần cơ sở phế liệu của chị L. Tiền có được, P và Q mua 1.000.000 đồng ma túy sử dụng, còn lại 190.000 đồng, cùng đồ xăng và ăn uống hết. Khi bán sắt cho L, P và Q nói là tài sản của mình nên chị L không biết tài sản trên là do P và Q phạm tội mà có.

Lần thứ hai:

Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 14/12/2017, P điều khiển xe mô tô 53V7-5918 của P chở Q đến gần cơ sở phế liệu của chị Lê Thị L lấy móc lôi, kéo đến bờ kênh tiếp tục lấy trộm 06 ống sắt, có tổng trọng lượng 360kg, đường kính mỗi ống 30cm, dày 03mm, dài 03 - 04m. Sau đó, P và Q mang đến cơ sở phế liệu của chị Lê Thị L bán với giá 5.800 đồng/kg, L đưa cho P số tiền 2.080.000 đồng. Sau khi bán sắt P và Q mang xe móc lôi giấu tại gần tiệm phế liệu của chị L và đi về. Tiền có được P chia cho Q 450.000 đồng, P trả nợ cho người tên Nguyễn Văn C 200.000 đồng, P và Q mua 1.000.000 đồng ma túy cho cả hai sử dụng, còn lại số tiền 430.000 đồng P cất giữ.

Lần thứ ba:

Khoảng 04 giờ ngày 15/12/2017, P điều khiển xe mô tô 53V7- 5918 chở Q đến gần cơ sở phế liệu của chị Lê Thị L để lấy móc lôi, sau đó đến bờ kênh tiếp tục lấy trộm 06 ống kim loại sắt, có trọng lượng 348kg, đường kính mỗi ống 30cm, dày 03mm, dài 03 - 04m. Trong lúc P và Q đang cột dây cố định các ống sắt để đưa đi tiêu thụ thì bị ông Phan Thanh S là công nhân Xí nghiệp xây dựng - Giao thông B trực thuộc Công ty B phát hiện trình báo Công an phường TH đến bắt giữ P và Q cùng tang vật bị thu giữ gồm:

- 01 xe móc lôi tự chế nhiều màu kích thước 1,1m x 2,5m;
- 06 ống sắt đã bị gỉ sét;
- 01 xe mô tô Well biển số 53V7-5918 của Cao Văn P;
- 09 đoạn ống sắt có tổng trọng lượng là 539kg;
- 02 (hai) thùng phuy bằng sắt có tổng trọng lượng 40kg;
- 200.000 đồng của ông Nguyễn Văn C;
- 100.000 đồng của Hoàng Văn Q (tiền do phạm tội mà có);
- 980.000 đồng của Cao Văn P (tiền do phạm tội mà có);

Căn cứ Kết luận về việc định giá tài sản ngày 19/12/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã BC xác định:

- 188 kg sắt phế liệu. Hội đồng định giá thống nhất định giá: 6.000 đ/kg x 188 kg = 1.128.000 đồng;

- 01 moóc lôi đã qua sử dụng. Hội đồng định giá thống nhất định giá 540.000 đồng;

- 02 thùng phuy sắt phế liệu. Hội đồng định giá thống nhất định giá: 2 cái x 55.000 đ/cái = 110.000 đồng;

- 360 kg sắt phế liệu. Hội đồng định giá thống nhất định giá: 6.000 đ/kg x 360 kg = 2.160.000 đồng;

- 348 kg sắt phế liệu. Hội đồng định giá thống nhất định giá: 6.000 đ/kg x 348 kg = 2.088.000 đồng;

Tổng cộng: 6.026.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã BC ra Quyết định xử lý vật chứng số 77 ngày 02/02/2018 và ngày 03,05/02/2018 lập biên bản trả lại toàn bộ đồ vật, tài sản Cao Văn P và Hoàng Văn Q đã trộm cắp của Xí nghiệp xây dựng - Giao thông B trực thuộc Công ty B và ông Nguyễn Văn T là chủ sở hữu xe moóc lôi.

Tại bản Cáo trạng số 38/CT-VKSBC ngày 14/3/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã BC, tỉnh BD truy tố bị cáo Cao Văn P và Hoàng Văn Q về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã BC trong phần tranh luận giữ nguyên Quyết định truy tố các bị cáo Cao Văn P và Hoàng Văn Q về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo P và bị cáo Q, đề nghị xử phạt các bị cáo Cao Văn P và Hoàng Văn Q mức án từ 07 đến 09 tù;

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và thừa nhận hành vi của mình như lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên Công an thị xã BC, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã BC trong quá trình điều tra, truy tố,

xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện: Tại phiên tòa, các bị cáo Cao Văn P và Hoàng Văn Q cùng khai nhận: Trong các ngày 14 và 15/12/2017, các bị cáo Cao Văn P và Hoàng Văn Q đã cùng nhau có hành vi lén lút trộm cắp tổng cộng 896 kg sắt phế liệu, 02 thùng phuy sắt phế liệu và 01 móc loa đã qua sử dụng của Xí nghiệp xây dựng - Giao thông B trực thuộc Công ty B và của ông Nguyễn Văn T. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là 6.026.000 đồng.

Các bị cáo khai nhận đã thực hiện toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng mô tả. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ.

Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Về nhận thức, các bị cáo biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức tham lam, liều lĩnh và xem thường pháp luật.

Hành vi lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của bị hại trong việc quản lý, trông coi tài sản, các bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của người bị hại với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 6.026.000 đồng. Hành vi này đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, bản Cáo trạng số 38/CT-VKS ngày 14/3/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã BC truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo một mức án thật nghiêm, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Xét tính chất của đồng phạm: Đây là vụ án mang tính đồng phạm giản đơn, các bị cáo có vai trò ngang nhau, cùng tham gia thực hiện tội phạm một cách tích cực. Do đó, đối với các bị cáo cần phải có mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của từng bị cáo để răn đe và phòng ngừa chung, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được cân nhắc, xem xét khi Quyết định hình phạt gồm: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn, hối cải; các bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trong đó lần cuối cùng bị phát hiện bắt quả tang. Khi bị bắt quả tang, các bị cáo khai nhận trước đó vào ngày 14/12/2017 đã thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản của bị hại. Do các bị cáo tự thú với Cơ quan cảnh sát Điều tra về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được xem xét cho hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “người phạm tội tự thú”; Do đó, các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Ngoài ra, bị cáo P là lao động chính trong gia đình, có 02 con còn nhỏ; bị cáo Q là dân tộc thiểu số nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo tham gia thực hiện tất cả 03 lần trộm cắp tài sản của các bị hại. Trong đó, lần thứ 02 và lần thứ 03 các bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của bị hại mà mỗi lần thực hiện đều có giá trị từ 2.000.000đồng trở lên. Do đó, các bị cáo cùng phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là: “phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

[6] Xét thấy, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo Cao Văn P và Hoàng Văn Q là tương xứng với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bà Lê Thị L là đã mua 09 ống sắt có trọng lượng 548 kg và 02 thùng phuy bằng sắt của bị cáo Cao Văn P và Hoàng Văn Q với giá 3.270.000 đồng. Tuy nhiên, bà L không biết tài sản này là do các bị cáo phạm tội mà có nên không có cơ sở xử lý trách nhiệm hình sự về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có đối với bà L.

Tài sản mà bà L mua từ các bị cáo đã được Cơ quan Cảnh sát Điều tra tịch thu và giao trả cho người bị hại. Ngày 16/4/2018, bà L có văn bản trình bày ý kiến về việc không yêu cầu các bị cáo phải bồi hoàn số tiền nêu trên. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện và quyền Quyết định, định đoạt của bà L, không trái với quy định của pháp luật nên được ghi nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm dân sự đối với số tiền 3.270.000 đồng mà bà L đã đưa cho bị cáo P và Q.

[8] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 200.000 đồng thu giữ từ ông Nguyễn Văn C, xét thấy đây là tiền do bị cáo Cao Văn P thu lợi bất chính từ việc trộm cắp tài sản mà có được và dùng để trả nợ cho ông Nguyễn Văn C. Vì vậy, số tiền này cần được thu hồi và tịch thu sung quỹ Nhà

nước. Về khoản nợ giữa ông Nguyễn Văn C và bị cáo Cao Văn P là một giao dịch dân sự khác, không liên quan đến vụ án do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án.

Đối với số tiền 980.000 đồng thu giữ của bị cáo Cao Văn P và 100.000 đồng thu giữ của bị cáo Hoàng Văn Q, đây là tiền mà các bị cáo thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội của mình nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Well, màu xanh, biển số 53V7- 5918 là phương tiện mà các bị cáo sử dụng để phạm tội. Xe này do ông Nguyễn Anh H đứng tên giấy đăng ký. Ông H đã bán lại xe này cho bị cáo Cao Văn P và vợ là Mai Thị M nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Mai Thị M và bị cáo P, bị cáo P sử dụng xe này làm phương tiện phạm tội nhưng bà M không biết. Tuy nhiên, theo văn bản trình bày ý kiến ngày 16/4/2018 của bà M thì bà M có ý kiến đề nghị sung công quỹ nhà nước toàn bộ chiếc xe biển số 53V7- 5918 và không có yêu cầu nhận lại ½ giá trị xe mô tô này. Xét đây là ý chí tự nguyện và quyền quyết định, định đoạt của bà M, không trái với quy định của pháp luật nên được ghi nhận. Vì vậy, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước xe mô tô nhãn hiệu Well, màu xanh biển số 53V7- 5918 là phương tiện phạm tội của bị cáo P.

Đối với những vật chứng khác trong vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã BC đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 77 ngày 02/02/2018 và ngày 03/05/2018 lập biên bản trả lại toàn bộ đồ vật, tài sản cho ông Nguyễn Văn Hp là đại diện hợp pháp của Công ty B và ông Nguyễn Văn T là chủ sở hữu xe máy mô tô.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017);

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Cao Văn P và Hoàng Văn Q phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Cao Văn P 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2017.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Q 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2017.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Well, biển số 53V7- 5918, số máy 10408512.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/4/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã BC, tỉnh BD và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BC, tỉnh BD).

4. Về biện pháp tư pháp: Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 1.280.000 đồng (một triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng) là tiền thu lợi bất chính của các bị cáo.

(Theo Biên bản thu giữ vật chứng ngày 15/12/2017 và Giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949.0.1046035 ngày 13/3/2018 tại Kho bạc Nhà nước thị xã BC).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Cao Văn P và Hoàng Văn Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BD;
- VKSND thị xã BC;
- Chi cục THADS thị xã BC;
- Sở Tư pháp tỉnh BD;
- Người tham gia tố tụng;
- CA thị xã BC;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đậu Thị T